

Bản án số: 11/2023/HS-ST

Ngày: 15 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hán

Bà Đỗ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn T. tên gọi khác: Không; sinh năm 1987 tại tỉnh Điện Biên; Nơi t/h1 trú: Bản Ch, p/H1 N, thị xã M, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố 10, p/H1 N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; con ông: Lò Văn B và bà Điều Thị Q; có vợ: TH Thị V; con: 01 con sinh năm 2006.

Tiền án: Ngày 10/6/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt 18 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 03/2020/HSST. Đến ngày 13/9/2021, chấp hành xong toàn bộ bản án trên. Đến nay chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 30/12/2011, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng, về hành vi trộm cắp tài sản, theo Quyết định số 1412/QĐ-UB(NC). Ngày 30/8/2013, đã chấp hành xong toàn bộ Quyết định trên.

Ngày 22/4/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã M, thành phố Điện Biên Phủ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng,

về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và xúc phạm danh dự nhân phẩm người khác, theo Quyết định số 03/QĐ-TA. Ngày 24/01/2018, đã chấp hành xong toàn bộ Quyết định trên. Đến nay bị cáo được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2023 cho đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Chu Mạnh C; tên gọi khác: Không; sinh năm 1982 tại tỉnh Điện Biên; Nơi tH1 trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 06, pH1 N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ sửa xe máy; trình độ văn hóa: 07/12; con ông: Chu Mạnh H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H1; vợ: Cà Thị C, con: 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án nào đưa ra xét xử. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/6/2023 cho đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn B tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 16/6/2023, Lò Văn T đi xe đạp xuống khu vực bản P tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đi qua chợ N thì Chu Mạnh C gọi T vào quán sửa xe máy của C ở gần đó nói chuyện. Sau khi biết T đi mua ma túy, C đưa 44.000 đồng gồm 12 tờ tiền cho T và bảo góp tiền để mua ma túy về cùng sử dụng chung. T đồng ý, cầm tiền đi xuống khu vực ngã tư P, thuộc bản P, phường N, thành phố Điện Biên Phủ gặp và mua được 01 gói Heroine được gói ngoài bằng giấy màu trắng, tiếp đến là lớp nilon màu trắng của một người phụ nữ không quen biết đứng ở cạnh đường với giá 100.000 đồng (trong đó đã bao gồm có 44.000 đồng của C góp mua chung, T đã lấy 100.000 đồng của mình để trả tiền mua ma túy còn 12 tờ tiền có giá 44.000 đồng mà C đưa trước đó thì T giữ lại). T đạp xe đến khu vực đập thủy điện thuộc bản Hồng Lú, phường N, thành phố Điện Biên Phủ sử dụng hết một phần ma túy bằng hình thức chích. Sử dụng xong, T vứt bơm kim tiêm và vỏ lọ nước cất xuống nương, số ma túy còn lại T gói như cũ, cầm trong lòng bàn tay phải đi về quán sửa xe máy của anh C. Hồi 16 giờ 10 phút cùng ngày, khi T đạp xe đến khu vực tổ 4 - Khe Chít, phường N, thành phố Điện Biên Phủ thì bị tổ công tác Công an phường N phối hợp với Công an thành phố Điện Biên Phủ phát hiện, yêu cầu kiểm tra. T tự giác giao nộp gói ma túy đang cất trong lòng bàn tay phải. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ gói Heroine có khối lượng 0,1 gam và một xe đạp nhãn hiệu Kasawa, màu xanh trắng.

Hồi 18 giờ 15 phút ngày 16/6/2023, Chu Mạnh C sau khi biết T bị bắt do có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đã đến Công an thành phố Điện Biên Phủ trình diện và khai nhận về việc C đưa 44.000 đồng cho T để góp tiền mua ma túy về sử dụng chung.

Tại Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 16/6/2023 đã xác định: Tổng khối lượng vật chứng thu giữ là 0,1 gam; lấy toàn bộ vật chứng gửi giám định. Tại bản kết luận giám định số 983/KL-KTHS ngày 23/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Khối lượng vật chứng ký hiệu M: 0,1 gam. Mẫu các cục chất bột màu trắng đục ký hiệu M gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroin (Heroine). Hoàn lại đối tượng giám định có khối lượng M: 0,06 gam.

Tại cơ quan điều tra, T đã tự nguyện giao nộp 44.000 đồng gồm 12 tờ tiền Việt Nam đồng là số tiền Chu Mạnh C góp chung với T để đi mua ma túy cùng sử dụng, trong đó có: 07 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 04 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra đã niêm phong toàn bộ số tiền trên để gửi giám định. Tại Kết luận giám định số 1128/KL-KTHS ngày 11/7/2023 kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 04 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng; 07 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng gửi giám định là tiền thật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về các kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 150/CT-VKSTPĐBP ngày 11/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo Lò Văn T và Chu Mạnh C về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Lò Văn T và Chu Mạnh C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 58/BLHS: Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 18 đến 24 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 58/BLHS: Xử phạt bị cáo Chu Mạnh C từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lò Văn T và Chu Mạnh C.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,06 gam Heroine vật chứng còn lại sau giám định, 01 mảnh giấy màu trắng và 01 mảnh nilon màu trắng do không có giá trị.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 xe đạp nhãn hiệu Kasawa màu trắng.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS, đề nghị trả lại số tiền 44.000 đồng cho bị cáo Lò Văn T.

Về án phí: Bị cáo Chu Mạnh C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, đề nghị miễn áp phí cho bị cáo Lò Văn T do bị cáo thuộc hộ nghèo.

Tại phiên tòa, các bị cáo T, C không tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo không bào chữa gì cho hành vi của mình. Bị cáo T đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo do bị cáo thuộc hộ nghèo.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo T, C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, Kết luận giám định, Kết luận điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Hồi 16 giờ 10 phút ngày 16/6/2023 tại khu vực tổ 4 - khe chít, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, Lò Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép 0,1 gam Heroine trên người mục đích để bị cáo T và Chu Mạnh C cùng sử dụng. Mặc dù C không trực tiếp đi mua ma túy cùng T nhưng trước đó hai bị cáo đã thống nhất cùng góp chung tiền để mua ma túy về sử dụng, trong đó C góp với T 44.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vật chứng được cân xác định khối lượng là 0,1 gam; kết luận giám định là chất ma túy, loại Heroine. Từ những căn cứ trên đủ cơ sở xác định: hành vi tàng trữ 0,1 gam Heroine của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Các bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[3]. Xét vai trò của từng bị cáo:

Đối với hành vi của bị cáo T, C đã cùng nhau góp tiền để T đi mua ma túy, mục đích để cùng nhau sử dụng, HĐXX nhận thấy đây là hành vi có tính chất đồng phạm nhưng không thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn theo Điều 17/BLHS. T là người có ý định mua ma túy ngay từ đầu, tuy không rủ rê C mua ma túy nhưng khi được C đề nghị cùng góp chung tiền mua ma túy thì T cũng nhất trí, T đã nhận 44.000 đồng từ C để đi mua ma túy. Mặc dù C không trực tiếp đi

mua ma túy nhưng đã có hành vi cùng góp tiền nên là đồng phạm trong vụ án này. Tuy nhiên, vai trò của T rõ nét hơn, có vai trò tích cực hơn nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với bị cáo C.

[4]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, mà nguyên nhân là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sử dụng ma túy trái phép. Bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy, đều nhận thức được tác hại của ma túy, biết hành vi tàng trữ chất ma túy là trái pháp luật song vì nhu cầu của bản thân đã bất chấp và cố tình vi phạm. Do đó cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và làm gương cho các đối tượng trẻ tuổi tránh mắc phải các tệ nạn trên.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân và hình phạt

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Riêng bị cáo C, do nhận thức được việc làm của mình là trái pháp luật và biết không thể trốn tránh nên sau khi biết việc T bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì C đã chủ động lên trình diện với cơ quan điều tra để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình liên quan đến việc đã cùng góp tiền với T để T mua ma túy, mục đích để sử dụng chung. Do đó, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về đầu thú cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51/BLHS để thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo T: Ngày 10/6/2020, bị cáo T bị Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt 18 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 03/2020/HSST. Đến ngày 13/9/2021, T chấp hành xong toàn bộ bản án trên. Đến nay bị cáo chưa được xóa án tích, đến ngày 16/6/2023 lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

Đối với bị cáo C: Bị cáo không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân:

Riêng bị cáo T từng 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng, bị cáo đã chấp hành xong và được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng bị cáo có nhân thân xấu.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo T, C là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo nên

Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong vụ án này, T, C cùng tham gia vào việc phạm tội, trong đó vai trò của T tích cực hơn, nên sẽ chịu hình phạt nặng hơn so với bị cáo C.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo T, C tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, đều không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung với T, C.

[7]. Về vật chứng và các vấn đề khác:

Vật chứng là 0,06 gam Heroine (vật chứng còn lại sau khi giám định), là vật nhà nước cấm tàng trữ lưu hành cần phải tịch thu tiêu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS. 01 mảnh giấy màu trắng, 01 mảnh nilon màu trắng là vật để đựng, gói ma túy do không có giá trị nên cần tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

01 xe đạp nhãn hiệu Kasawa màu xanh trắng là tài sản riêng của bị cáo T được dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Đối với số tiền 44.000 đồng vật chứng thu giữ của Lò Văn T: đây là số tiền của bị cáo C góp với T đi mua ma túy nhưng T đã lấy 100.000 đồng của T để trả tiền mua ma túy, trong số 100.000 đồng này đã bao gồm 44.000 đồng của C nên 44.000 đồng của C đã được T giữ lại, sau này T giao nộp cho Cơ quan điều tra thì số tiền này đã trở thành tiền của T. Vì vậy trả lại số tiền 44.000 đồng cho bị cáo T theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS.

Các bị cáo khai mua ma túy của người phụ nữ không quen biết nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, điều tra, làm rõ; HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Chu Mạnh C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH1 vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T do bị cáo cáo thuộc hộ nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH1 vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, tuyên bố các bị cáo Lò Văn T, Chu Mạnh C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lò Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 16/6/2023);

Xử phạt bị cáo **Chu Mạnh C** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 26/6/2023);

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,06 gam Heroine (là vật chứng còn lại sau khi giám định) và 01 mảnh giấy màu trắng, 01 mảnh nilon màu trắng.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe đạp nhãn hiệu Kasawa màu xanh trắng đã qua sử dụng.

Trả lại bị cáo Lò Văn T số tiền 44.000 đồng.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 18 tháng 10 năm 2023 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Cơ quan cảnh sát điều tra).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH1 vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lò Chu Mạnh C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH1 vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/11/2023).

Nơi nhận:

- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TP ĐBP
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- HS THAHS;
- Các bị cáo,
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/11/2023).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trà

**Công văn số 81/2002 ngày 10/6/2002 của Toà án nhân dân Tối cao
giải đáp về nghiệp vụ**

7. Phân biệt việc áp dụng tình Tiết giảm nhẹ trong trường hợp "tự thú" và trong trường hợp "đầu thú" như thế nào?

"Tự thú" là tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình, trong khi chưa ai phát hiện được mình phạm tội. Người nào bị bắt, bị phát hiện về một hành vi phạm tội cụ thể, nhưng trong quá trình Điều tra đã tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội khác của mình mà chưa bị phát hiện, thì cũng được coi là tự thú đối với việc tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội của mình mà chưa bị phát hiện. "Đầu thú" là có người đã biết mình phạm tội, nhưng biết không thể trốn tránh được nên đến cơ quan có thẩm quyền trình diện để cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo Thông tư liên ngành số 05/TTLN ngày 2-6-1990 của Bộ Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp "Hướng dẫn thi hành chính sách đối với người phạm tội ra tự thú", thì các trường hợp này đều được coi là tự thú. Tuy hướng dẫn các trường hợp này đều được coi là tự thú để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng không hướng dẫn cụ thể trong trường hợp nào áp dụng Khoản 1, trong trường hợp nào áp dụng Khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985. Để áp dụng đúng và thống nhất tình Tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong các trường hợp trên đây, Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể như sau:

- Nếu người phạm tội tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình, trong khi chưa ai phát hiện được mình phạm tội thì áp dụng tình Tiết giảm nhẹ "tự thú" quy định tại Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với người phạm tội.

- Nếu có người đã biết hành vi phạm tội của người phạm tội nhưng biết không thể trốn tránh được nên người phạm tội đến cơ quan có thẩm quyền trình diện thì áp dụng Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội. Cũng cần chú ý là, trong trường hợp này, nếu người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hoặc có những việc làm khác thuộc trường hợp được coi là tình Tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì được hưởng tình

Tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

8. Đối với người nước ngoài phạm tội nhưng có nhiều tình Tiết giảm nhẹ, nếu xử phạt tù thì không thể cho hưởng án treo được. Vậy có thể áp dụng hình phạt tiền đối với họ được không?

Việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người phạm tội nói chung, cũng như đối với người nước ngoài phạm tội nói riêng phải tuân thủ quy định tại Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong trường hợp người phạm tội là người nước ngoài có nhiều tình Tiết giảm nhẹ, nếu xử phạt tù thì không thể cho hưởng án treo được, nhưng họ có đủ các Điều kiện quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 và đã được hướng dẫn tại Mục 10 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4-8-2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999" để có thể được chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn, thì tùy từng trường hợp cụ thể mà Tòa án có thể áp dụng hình phạt trục xuất hoặc hình phạt tiền.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**